GRI STANDARDS

GRI 306: Chất thải 2020

306

NGÀY HIỆU LỰC: NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2022

TIÊU CHUẨN THEO CHỦ ĐỀ

GRI 306: Chất thải 2020

Tiêu chuẩn theo Chủ đề

Ngày Hiệu Lực
Tiêu chuẩn này có hiệu lực đối với báo cáo hoặc tài liệu khác được phát hành vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2022.

Trách nhiệm
Tiêu chuẩn này được Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu (GSSB) ban hành. Vui lòng gửi mọi ý kiến phản hồi về Bộ Tiêu chuẩn GRI tới gssbsecretariat@globalreporting.org để GSSB xem xét.

Quy trình Hợp lệ
Tiêu chuẩn này được xây dựng vì lợi ích cộng đồng và phù hợp với các yêu cầu trong Quy trình Hợp lệ của GSSB. Tài liệu này được xây dựng dựa trên chuyên môn của nhiều bên liên quan, có tham khảo các văn kiện liên chính phủ cần tuân thủ và kỳ vọng phổ biến của các tổ chức về trách nhiệm xã hội, môi trường và kinh tế.

Trách nhiệm pháp lý
Tài liệu này nhằm mục đích hỗ trợ việc báo cáo phát triển bền vững và đã được Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu (GSSB) xây dựng thông qua quy trình tham vấn đa bên độc đáo với sự tham gia của đại diện từ các tổ chức và người dùng thông tin báo cáo trên toàn thế giới. Trong khi Hội đồng Giám sát GRI, Ban Quản lý và GSSB khuyến khích mọi tổ chức sử dụng Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và các Diễn giải có liên quan, thì việc chuẩn bị và công bố các báo cáo dựa hoàn toàn hoặc một phần vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan hoàn toàn là trách nhiệm của người lập báo cáo. Hội đồng Giám sát GRI, Ban Quản lý, GSSB và tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting không chịu trách nhiệm về bất kỳ hậu quả hoặc thiệt hại nào phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan trong quá trình lập báo cáo hoặc việc sử dụng báo cáo dựa vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan.

Thông báo về bản quyền và nhãn hiệu
Tài liệu này được tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting bảo vệ bản quyền. Được phép sao chép và phân phối tài liệu này để cung cấp thông tin và/hoặc sử dụng trong quá trình lập báo cáo phát triển bền vững mà không cần GRI cho phép trước khi thực hiện. Tuy nhiên, không được phép sao chép, lưu trữ, dịch hoặc chuyển giao tài liệu này hoặc bất kỳ trích đoạn nào từ tài liệu này dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào (điện tử, cơ học, photocopy, ghi âm hoặc cách khác) cho bất kỳ mục đích nào khác nếu không có văn bản cho phép của GRI trước khi thực hiện.

Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu, GRI và logo, GSSB và logo, cũng như Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và logo là các nhãn hiệu của tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting

© 2026 GRI. Bảo lưu mọi quyền.

ISBN 978-90-8866-132-7

Mục lục

Giới thiệu **4**

1. Công bố thông tin quản lý chủ đề **7**

Công bố thông tin 306-1 Phát sinh chất thải và các tác động đáng kể liên quan đến chất thải **8**

Công bố thông tin 306-2 Quản lý các tác động đáng kể liên quan đến chất thải **10**

2. Công bố thông tin theo chủ đề **12**

Công bố thông tin 306-3 Chất thải phát sinh **12**

Công bố thông tin 306-4 Chất thải được chuyển hướng khỏi quá trình thải bỏ **14**

Công bố thông tin 306-5 Chất thải được đưa đi thải bỏ **16**

Thuật ngữ **18**

Tài liệu tham khảo **23**

Phụ lục **24**

Ví dụ về sơ đồ quy trình (điều khoản 1.2) **24**

Các biểu mẫu để trình bày thông tin cho Công bố thông tin 306-3, 306-4 và 306-5 **29**

Giới thiệu

GRI 306: Chất thải 2020 bao gồm các công bố thông tin để các tổ chức báo cáo về các tác động liên quan đến chất thải và cách quản lý những tác động này. Các công bố này giúp tổ chức cung cấp thông tin về cách ngăn ngừa việc phát sinh chất thải cũng như cách quản lý chất thải không thể ngăn ngừa, trong các hoạt động của tổ chức mình cũng như ở thượng nguồn và hạ nguồn trong chuỗi giá trị của tổ chức.

Tiêu chuẩn có cấu trúc như sau:

- Phần 1 bao gồm hai công bố thông tin cung cấp thông tin về cách tổ chức quản lý các tác động liên quan đến chất thải của mình.
- Phần 2 bao gồm ba công bố thông tin cung cấp thông tin về các tác động liên quan đến chất thải của tổ chức.
- Bảng thuật ngữ bao gồm các thuật ngữ được định nghĩa với ý nghĩa cụ thể khi sử dụng trong Bộ Tiêu chuẩn GRI. Các thuật ngữ được gạch chân trong văn bản Bộ Tiêu chuẩn GRI và được liên kết đến định nghĩa.
- Tài liệu tham khảo kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác được sử dụng trong quá trình xây dựng Tiêu chuẩn này.
- Phụ lục bao gồm các ví dụ về sơ đồ quy trình và các biểu mẫu để trình bày thông tin cho các Công bố thông tin 306-3, 306-4 và 306-5.

Nội dung còn lại của phần Giới thiệu trình bày bối cảnh của chủ đề, tổng quan về hệ thống Bộ Tiêu chuẩn GRI và thông tin bổ sung về cách sử dụng Bộ Tiêu chuẩn này.

Bối cảnh của chủ đề

Tiêu chuẩn này đề cập đến chủ đề chất thải.

Chất thải có thể phát sinh từ chính các hoạt động của tổ chức, ví dụ như trong quá trình sản xuất sản phẩm và cung cấp dịch vụ. Chất thải cũng có thể phát sinh từ các thực thể ở thượng nguồn và hạ nguồn trong chuỗi giá trị của tổ chức, ví dụ như khi nhà cung cấp xử lý nguyên liệu mà sau đó được tổ chức sử dụng hoặc mua vào, hoặc khi người tiêu dùng sử dụng dịch vụ hoặc loại bỏ sản phẩm mà tổ chức bán cho họ.

Chất thải có thể gây ra các tác động tiêu cực đáng kể đến môi trường và sức khỏe con người khi không được quản lý đúng cách. Những tác động này thường vượt ra ngoài phạm vi nơi phát sinh và thải bỏ chất thải. Các nguồn tài nguyên và nguyên liệu có trong chất thải bị thiêu hủy hoặc chôn lấp sẽ không còn được sử dụng trong tương lai, do đó đẩy nhanh tốc độ cạn kiệt.

Liên Hợp Quốc công nhận vai trò của việc tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm để đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững[1]. Cụ thể, các chỉ tiêu trong Mục tiêu số 12 kêu gọi các tổ chức thực hiện quản lý chất thải theo cách thân thiện với môi trường, đồng thời ngăn chặn và giảm thiểu chất thải thông qua hoạt động tái sử dụng và tái chế.

Hệ thống của Bộ Tiêu chuẩn GRI

Tiêu chuẩn này là một phần của Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI). Bộ Tiêu chuẩn GRI cho phép tổ chức báo cáo thông tin về các tác động đáng kể nhất của tổ chức đối với nền kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả tác động đến quyền con người cũng như cách tổ chức quản lý những tác động này.

Bộ tiêu chuẩn GRI có cấu trúc như một hệ thống các tiêu chuẩn tương quan với nhau, được sắp xếp thành ba phần: Tiêu chuẩn GRI Tổng thể, Tiêu chuẩn GRI theo Ngành và Tiêu chuẩn GRI theo Chủ đề (xem Hình 1 trong Tiêu chuẩn này).

Tiêu chuẩn Tổng thể: GRI 1, GRI 2 và GRI 3

GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021 nêu rõ các yêu cầu mà tổ chức phải tuân thủ để báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI. Tổ chức bắt đầu sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI bằng cách tham khảo *GRI 1*.

GRI 2: Công bố thông tin Chung 2021 bao gồm các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để cung cấp thông tin về hoạt động báo cáo và các thông tin chi tiết khác của tổ chức, chẳng hạn như về hoạt động vận hành, công tác quản trị và các chính sách.

1 Nghị quyết của Liên Hợp Quốc (UN), *Chuyển đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, năm 2015.* (Xem đặc biệt Mục tiêu 12: "Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững".)"

GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021 đưa ra hướng dẫn về cách xác định các chủ đề trọng yếu. Trong đó bao gồm cả các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để báo cáo thông tin về quy trình xác định các chủ đề trọng yếu, danh sách các chủ đề trọng yếu và cách tổ chức quản lý từng chủ đề.

Tiêu chuẩn theo Ngành
Tiêu chuẩn theo Ngành cung cấp các thông tin cho tổ chức về những chủ đề có khả năng là trọng yếu đối với họ. Tổ chức sử dụng Tiêu chuẩn theo Ngành áp dụng cho các lĩnh vực của mình khi xác định các chủ đề trọng yếu và khi xác định nội dung báo cáo cho từng chủ đề trọng yếu.

Tiêu chuẩn theo Chủ đề
Tiêu chuẩn theo Chủ đề bao gồm các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để báo cáo thông tin về các tác động của mình liên quan đến các chủ đề cụ thể. Tổ chức sử dụng Tiêu chuẩn theo Chủ đề theo danh sách các chủ đề trọng yếu đã xác định thông qua *GRI 3*.

Hình 1. Bộ tiêu chuẩn GRI: Tiêu chuẩn Tổng thể, Tiêu chuẩn theo Ngành và Tiêu chuẩn theo Chủ đề

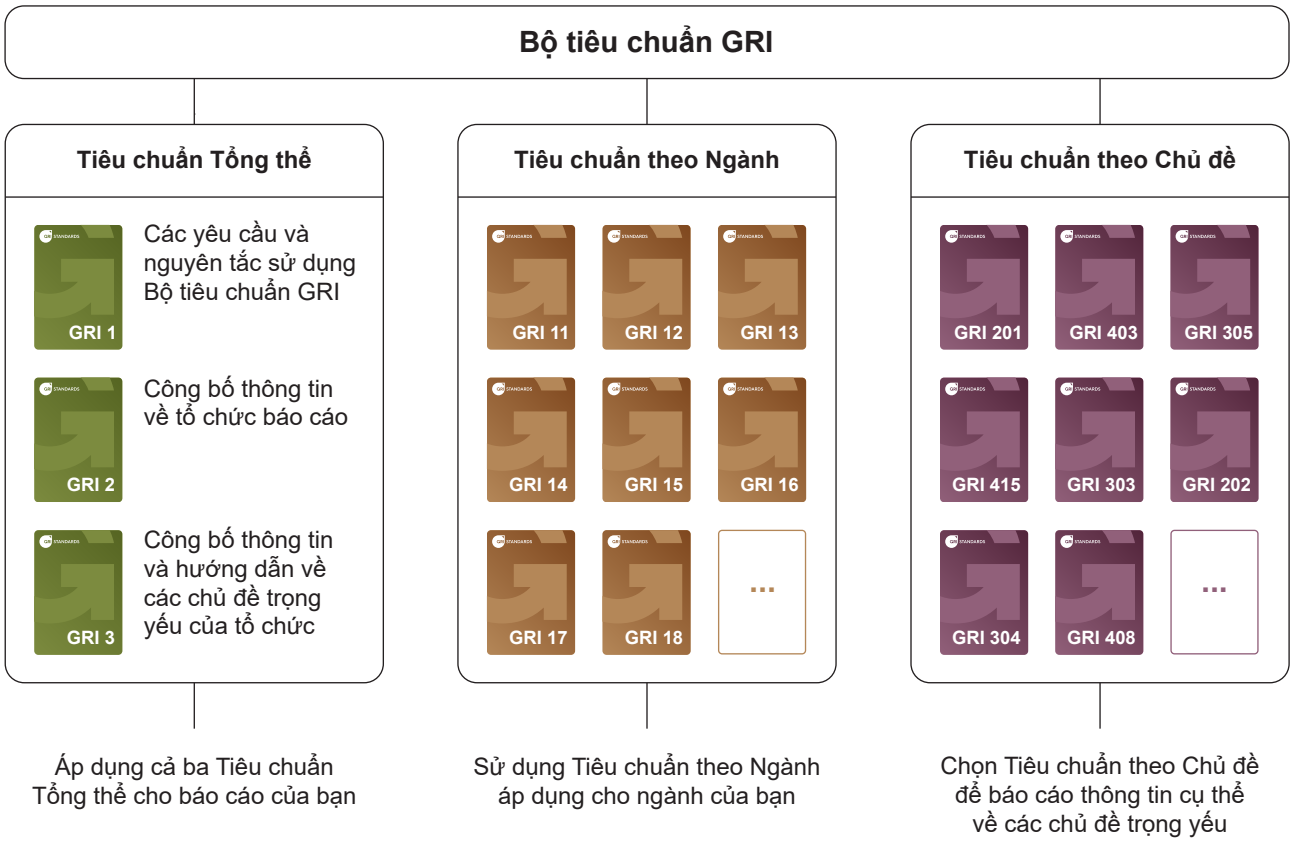

Sử dụng Tiêu chuẩn này

Tiêu chuẩn này có thể được sử dụng bởi bất kỳ tổ chức nào – bất kể quy mô, loại hình, ngành nghề, vị trí địa lý hoặc kinh nghiệm báo cáo – để công bố thông tin về các tác động liên quan đến chất thải của tổ chức đó. Tiêu chuẩn này cũng có thể được sử dụng bởi các tổ chức quản lý chất thải do các tổ chức khác tạo ra, chẳng hạn như các tổ chức công và tư nhân trong lĩnh vực quản lý chất thải. Ngoài Tiêu chuẩn này, các công bố thông tin liên quan đến chủ đề này còn có trong GRI 301: Nguyên liệu 2016.

Tổ chức báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI phải báo cáo các công bố thông tin sau nếu đã xác định chất thải là một chủ đề trọng yếu:

- Công bố thông tin 3-3 *trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021* (xem điều khoản 1.1 trong Tiêu chuẩn này);
- Bất kỳ công bố thông tin nào thuộc Tiêu chuẩn theo Chủ đề này về các tác động liên quan đến chất thải của tổ chức (Công bố thông tin 306-1 đến Công bố thông tin 306-5).

Xem Các yêu cầu 4 và 5 trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021*.

Có thể đưa ra lý do để lược bỏ những công bố thông tin này.

Nếu không thể tuân thủ việc công bố thông tin hoặc yêu cầu trong việc công bố thông tin (ví dụ: vì thông tin cần công bố là thông tin bảo mật hoặc bị pháp luật cấm), tổ chức phải nêu rõ mục công bố thông tin hoặc yêu cầu mà tổ chức không thể tuân thủ và đưa ra lý do lược bỏ kèm theo lời giải thích trong chỉ mục nội dung GRI. Xem phần Yêu cầu 6 trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* để biết thêm thông tin về lý do lược bỏ.

Nếu không thể báo cáo thông tin bắt buộc về một mục được chỉ định trong công bố thông tin vì mục đó (ví dụ: ủy ban, chính sách, thông lệ, quy trình) không tồn tại, tổ chức có thể tuân thủ yêu cầu bằng cách báo cáo tình huống thực tế đó. Tổ chức có thể giải thích lý do không có mục này hoặc trình bày bất kỳ kế hoạch nào để phát triển mục này. Việc công bố thông tin không yêu cầu tổ chức phải thực hiện mục đó (ví dụ: xây dựng chính sách) nhưng phải báo cáo mục đó không tồn tại.

Nếu có ý định công bố báo cáo phát triển bền vững độc lập, tổ chức không cần lặp lại thông tin đã công bố ở nơi khác, chẳng hạn như trên các trang web hoặc trong báo cáo thường niên. Trong trường hợp đó, tổ chức có thể báo cáo nội dung công bố thông tin bắt buộc bằng cách cung cấp tham chiếu trong chỉ mục nội dung GRI đến nơi có thể tìm thấy thông tin này (ví dụ: bằng cách cung cấp liên kết đến trang web hoặc trích dẫn trang trong báo cáo thường niên nơi thông tin đã được công bố).

Các yêu cầu, hướng dẫn và các thuật ngữ được định nghĩa
Những nội dung sau đây được áp dụng trong toàn bộ Tiêu chuẩn này:

Các yêu cầu bắt buộc được trình bày bằng phông **chữ in đậm** và được biểu thị bằng từ “cần phải”. Tổ chức phải tuân thủ các yêu cầu báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI. Yêu cầu bắt buộc có thể kèm theo hướng dẫn.

Hướng dẫn bao gồm thông tin bối cảnh, giải thích và ví dụ để giúp tổ chức hiểu rõ hơn về các yêu cầu.

Tổ chức không bắt buộc phải tuân thủ hướng dẫn. Tiêu chuẩn cũng có thể bao gồm các khuyến nghị. Đây là những tình huống trong đó một hành động cụ thể được khuyến khích nhưng không bắt buộc phải thực hiện.

Từ “nên” biểu thị khuyến nghị, còn từ “có thể” biểu thị khả năng hoặc lựa chọn.

Các thuật ngữ được định nghĩa sẽ được gạch chân trong văn bản Bộ tiêu chuẩn GRI và được liên kết với định nghĩa tương ứng trong Bảng thuật ngữ. Tổ chức phải áp dụng những định nghĩa trong Bảng thuật ngữ.

1. Công bố thông tin quản lý chủ đề

Một tổ chức báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI phải báo cáo cách thức quản lý từng chủ đề trọng yếu của tổ chức đó.

Tổ chức xác định chất thải là chủ đề trọng yếu phải báo cáo cách thức quản lý chủ đề này theo Công bố thông tin 3-3 trong *GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021* (xem điều khoản 1.1 trong phần này). Tổ chức cũng phải báo cáo mọi nội dung công bố thông tin trong phần này (Công bố thông tin 306-1 đến Công bố thông tin 306-2) về các tác động liên quan đến chất thải.

Do đó, phần này được thiết kế để bổ sung – nhưng không thay thế – Công bố thông tin 3-3 trong *GRI 3*.

YÊU CẦU

1.1 Tổ chức báo cáo cần phải báo cáo cách thức quản lý chất thải theo Công bố thông tin 3-3 trong *GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021*.

Công bố thông tin 306-1 Phát sinh chất thải và các tác động đáng kể liên quan đến chất thải

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

a. Đối với các tác động đáng kể thực tế và tiềm ẩn liên quan đến chất thải, cần mô tả:

i. các đầu vào, hoạt động và các đầu ra dẫn đến hoặc có thể dẫn đến các tác động này;

ii. liệu các tác động này có liên quan đến chất thải phát sinh từ chính các hoạt động của tổ chức hay đến chất thải phát sinh ở thượng nguồn hoặc hạ nguồn trong chuỗi giá trị của tổ chức.

KHUYẾN NGHỊ

1.2 Tổ chức báo cáo nên trình bày sơ đồ quy trình gồm các đầu vào, hoạt động và đầu ra dẫn đến hoặc có thể dẫn đến các tác động đáng kể liên quan đến chất thải.

HƯỚNG DẪN

Bối cảnh

Khối lượng, loại và chất lượng chất thải phát sinh từ một tổ chức là hệ quả của các hoạt động liên quan đến quá trình sản xuất sản phẩm và dịch vụ của tổ chức đó (ví dụ: khai thác, chế biến, thu mua nguyên vật liệu, thiết kế sản phẩm hoặc dịch vụ, sản xuất, phân phối) và quá trình tiêu thụ sau đó. Việc đánh giá cách thức nguyên liệu luân chuyển trong hoạt động nội bộ và trong chuỗi giá trị của tổ chức có thể giúp hiểu được khi nào các nguyên liệu này cuối cùng trở thành chất thải. Qua đó cung cấp thông tin tổng quan về việc phát sinh chất thải và nguyên nhân, từ đó có thể hỗ trợ tổ chức xác định cơ hội để ngăn chặn chất thải và áp dụng các biện pháp tuần hoàn. Theo cách này, tổ chức có thể không chỉ dừng lại ở việc giảm thiểu và khắc phục các tác động tiêu cực sau khi đã phát sinh chất thải, mà còn hướng tới quản lý chất thải như một nguồn tài nguyên.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 306-1

Khi báo cáo về nội dung này, tổ chức có thể chỉ rõ các loại yếu tố đầu vào và đầu ra. Các loại đầu vào và đầu ra có thể bao gồm nguyên liệu thô, nguyên liệu trong quy trình và sản xuất, rò rỉ và thất thoát, chất thải, phụ phẩm, sản phẩm hoặc bao bì đóng gói.

Tổ chức có thể đánh giá và báo cáo xem liệu các đầu vào, hoạt động và đầu ra dẫn đến hoặc có thể dẫn đến các tác động đáng kể liên quan đến chất thải hay không, dựa trên các tiêu chí sau:

- Khối lượng đầu vào được sử dụng để sản xuất sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức, và sẽ trở thành chất thải sau khi được sử dụng trong quá trình sản xuất.
- Khối lượng chất thải được tạo ra từ các hoạt động của tổ chức, hoặc khối lượng đầu ra mà tổ chức cung cấp cho các đơn vị ở hạ nguồn, có khả năng trở thành chất thải sau khi kết thúc vòng đời sử dụng.
- Các đặc tính nguy hại của đầu vào và đầu ra.
- Các đặc tính của nguyên liệu đầu vào hoặc đặc điểm thiết kế của đầu ra làm hạn chế hoặc ngăn cản việc phục hồi hoặc giảm vòng đời của chúng.
- Các mối đe dọa tiêu cực tiềm ẩn đã xác định liên quan đến các vật liệu cụ thể khi bị loại bỏ. Ví dụ, mối đe dọa tiềm ẩn về ô nhiễm biển do bao bì nhựa bị thải bỏ vào các nguồn nước.
- Các loại hoạt động dẫn đến việc phát sinh khối lượng chất thải đáng kể hoặc tạo ra chất thải nguy hại.

Tổ chức được yêu cầu báo cáo về các đầu vào mà họ nhận từ các đơn vị ở thượng nguồn trong chuỗi giá trị, cũng như các đầu ra mà họ cung cấp cho các đơn vị ở hạ nguồn trong chuỗi giá trị. Ví dụ, nếu một tổ chức mua các linh kiện có đặc tính nguy hại từ một nhà cung cấp và sử dụng các linh kiện này trong sản phẩm, khiến sản phẩm vẫn chứa các linh kiện nguy hại này trong suốt vòng đời, tổ chức phải báo cáo các linh kiện đó dưới mục đầu vào dẫn đến hoặc có thể dẫn

dẫn đến các tác động đáng kể liên quan đến chất thải. Tương tự, nếu một tổ chức bán cho người tiêu dùng các sản phẩm tạo ra lượng lớn chất thải bao bì, tổ chức được yêu cầu báo cáo bao bì này dưới mục đầu ra dẫn đến hoặc có thể dẫn đến các tác động đáng kể liên quan đến chất thải.

Nếu tổ chức đã xác định nhiều đầu vào và đầu ra hoặc nhiều hoạt động dẫn đến hoặc có thể dẫn đến các tác động đáng kể liên quan đến chất thải, tổ chức có thể nhóm theo:

- danh mục sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan đến đầu vào và đầu ra;
- các đơn vị kinh doanh hoặc cơ sở mua đầu vào, hoặc có hoạt động tạo ra đầu ra;
- các danh mục hoạt động thượng nguồn và hạ nguồn tạo ra đầu ra (xem ví dụ về các danh mục thượng nguồn và hạ nguồn, tham khảo hướng dẫn cho Công bố thông tin 302-2 trong *GRI 302: Năng lượng 2016*).

Hướng dẫn cho điều khoản 1.2

Một sơ đồ quy trình là công cụ để trực quan hóa thông tin cần báo cáo theo Công bố thông tin 306-1. Một hình minh họa trực quan về sơ đồ quy trình có thể giúp tổ chức và các bên liên quan hiểu rõ cách luân chuyển của các đầu vào và đầu ra qua các hoạt động của chính tổ chức cũng như các hoạt động của các thực thể ở thượng nguồn và hạ nguồn trong chuỗi giá trị của tổ chức. Điều này cho thấy nơi phát sinh chất thải trong chuỗi giá trị hoặc nơi các sản phẩm đầu ra trở thành chất thải.

Tổ chức cũng có thể sử dụng sơ đồ quy trình để minh họa các thông tin cần thiết theo các công bố thông tin khác của Tiêu chuẩn này, chẳng hạn như:

- các hành động được thực hiện để ngăn ngừa phát sinh chất thải (Công bố thông tin 306-2);
- thành phần của chất thải phát sinh (Công bố thông tin 306-3);
- các hoạt động thu hồi được sử dụng để chuyển hướng chất thải khỏi quá trình thải bỏ (Công bố thông tin 306-4);
- hoạt động thải bỏ (Công bố thông tin 306-5).

Tổ chức có thể đưa vào các ước tính về khối lượng đầu vào và sản phẩm đầu ra tính bằng tấn, hoặc tỷ lệ giữa đầu vào và đầu ra.

Để xem các ví dụ về sơ đồ quy trình, hãy tham khảo Phụ lục.

Công bố thông tin 306-2 Quản lý các tác động đáng kể liên quan đến chất thải

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

a. Các hành động, bao gồm các biện pháp tuần hoàn, được thực hiện nhằm ngăn ngừa việc phát sinh chất thải trong các hoạt động của chính tổ chức cũng như ở thượng nguồn và hạ nguồn trong chuỗi giá trị của tổ chức, và để quản lý các tác động đáng kể từ chất thải phát sinh.

b. Nếu chất thải phát sinh từ các hoạt động của chính tổ chức được bên thứ ba quản lý, cần mô tả các quy trình được sử dụng để xác định liệu bên thứ ba đó có thực hiện việc quản lý chất thải phù hợp với các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc quy định pháp luật hay không.

c. Các quy trình được sử dụng để thu thập và theo dõi dữ liệu liên quan đến chất thải.

HƯỚNG DẪN

Bối cảnh

Tổ chức có thể gây ra các tác động liên quan đến chất thải thông qua các hoạt động của tổ chức đó. Ví dụ: khi các hoạt động của tổ chức làm phát sinh chất thải. Tổ chức cũng có thể góp phần gây ra các tác động liên quan đến chất thải thông qua các hoạt động được thực hiện trong chuỗi giá trị ở thượng nguồn hoặc hạ nguồn. Ví dụ: thông qua các tiêu chí trong chính sách mua sắm của tổ chức dẫn đến phát sinh chất thải ở thượng nguồn, hoặc thông qua các quyết định quản lý làm giảm vòng đời của sản phẩm, từ đó góp phần tạo ra chất thải ở hạ nguồn.

Ngay cả khi tổ chức không trực tiếp gây ra các tác động liên quan đến chất thải ở thượng nguồn hoặc hạ nguồn trong chuỗi giá trị của tổ chức, thì các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức vẫn có thể có mối liên hệ trực tiếp với các tác động liên quan đến chất thải thông qua các mối quan hệ kinh doanh với các thực thể trong chuỗi giá trị đó. Ví dụ: khi các bên thứ ba được tổ chức thuê thực hiện các hoạt động thu hồi hoặc xử lý chất thải theo cách không thỏa đáng.

Cách thức một tổ chức góp phần gây ra các tác động tiêu cực là yếu tố quan trọng để xác định phản ứng của tổ chức đối với tác động đó.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 306-2-a

Các hành động, bao gồm các biện pháp tuần hoàn, nhằm ngăn ngừa việc phát sinh chất thải và quản lý các tác động đáng kể từ chất thải phát sinh có thể bao gồm:

- Lựa chọn nguyên vật liệu đầu vào và thiết kế sản phẩm:
  - Cải thiện việc lựa chọn vật liệu và thiết kế sản phẩm thông qua việc xem xét các yếu tố như độ bền và tuổi thọ, khả năng sửa chữa, tính mô-đun và khả năng tháo rời, cũng như khả năng tái chế
  - Giảm việc sử dụng nguyên liệu thô và tài nguyên hữu hạn bằng cách thu mua các nguyên liệu thứ cấp (ví dụ: nguyên liệu đã qua sử dụng hoặc tái chế) hoặc nguyên liệu tái tạo.
  - Thay thế các nguyên liệu đầu vào có đặc tính nguy hại bằng các nguyên liệu không nguy hại.
- Hợp tác trong chuỗi giá trị và đổi mới mô hình kinh doanh:
  - Thiết lập các chính sách mua hàng từ các nhà cung cấp mà có các tiêu chí phòng ngừa và quản lý chất thải hợp lý.
  - Tham gia hoặc thiết lập mô hình cộng sinh công nghiệp, theo đó chất thải hoặc các đầu ra khác của tổ chức (ví dụ: sản phẩm phụ từ quá trình sản xuất) trở thành nguyên liệu đầu vào cho một tổ chức khác.
  - Tham gia vào chương trình trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất tập thể hoặc cá nhân,

hoặc áp dụng mô hình quản lý sản phẩm, theo đó trách nhiệm của nhà sản xuất đối với sản phẩm hoặc dịch vụ được kéo dài đến hết vòng đời của sản phẩm.
- Chuyển đổi và áp dụng các mô hình kinh doanh mới, chẳng hạn như hệ thống sản phẩm–dịch vụ, trong đó sử dụng dịch vụ thay cho sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.
- Tham gia hoặc thiết lập các chương trình thu hồi sản phẩm và quy trình kho vận ngược nhằm chuyển hướng sản phẩm và nguyên vật liệu khỏi thải bỏ.

- Hoạt động can thiệp ở giai đoạn cuối vòng đời sản phẩm:
  - Thiết lập và cải thiện các cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý chất thải, bao gồm các cơ sở thu gom và phân loại chất thải.
  - Phục hồi sản phẩm, linh kiện và nguyên liệu từ chất thải thông qua chuẩn bị tái sử dụng và tái chế.
  - Tương tác với người tiêu dùng để nâng cao nhận thức về các hành vi tiêu dùng bền vững, chẳng hạn như giảm mua sắm sản phẩm, chia sẻ sản phẩm, trao đổi, tái sử dụng và tái chế.

Xem các tham chiếu [9] và [11] trong phần Tài liệu tham khảo.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 306-2-b
Việc công bố này có thể cung cấp cái nhìn sâu sắc về mức độ kiểm soát của tổ chức đối với hoạt động quản lý chất thải khi thuê bên thứ ba thực hiện. Trong bối cảnh của Tiêu chuẩn này, “bên thứ ba” bao gồm bất kỳ tổ chức quản lý chất thải công hoặc tư nào, hoặc bất kỳ tổ chức hay nhóm cá nhân nào khác, dù chính thức hay không chính thức, tham gia vào việc xử lý chất thải của tổ chức báo cáo. Hoạt động quản lý chất thải do bên thứ ba thực hiện có thể bao gồm việc thu gom, vận chuyển, thu hồi và thải bỏ chất thải, cũng như việc giám sát các hoạt động đó và chăm sóc hậu xử lý các bãi thải bỏ. Tổ chức có thể quy định các thỏa thuận trong hợp đồng để bên thứ ba tuân thủ khi quản lý chất thải của mình, hoặc dựa vào các nghĩa vụ pháp lý hiện hành, chẳng hạn như các luật và quy định về môi trường của địa phương, nhằm đảm bảo chất thải được bên thứ ba xử lý đúng cách.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 306-2-c
Các quy trình mà tổ chức áp dụng để thu thập và theo dõi dữ liệu liên quan đến chất thải thể hiện cam kết của tổ chức trong việc quản lý tác động từ chất thải. Các quy trình này có thể bao gồm việc nhập dữ liệu trực tuyến, duy trì cơ sở dữ liệu tập trung, đo lường trọng lượng theo thời gian thực tại trạm cân, và kiểm tra xác thực dữ liệu hàng năm bởi bên thứ ba.

Tổ chức có thể xác định liệu quy trình thu thập và theo dõi dữ liệu có chỉ áp dụng cho chất thải phát sinh từ hoạt động của chính mình hay mở rộng đến chất thải phát sinh ở thượng nguồn và hạ nguồn trong chuỗi giá trị của tổ chức.

2. Công bố thông tin theo chủ đề

Công bố thông tin 306-3 Chất thải phát sinh

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

a. Tổng khối lượng chất thải phát sinh tính bằng tấn và phân tách chi tiết theo thành phần của chất thải.

b. Bối cảnh thông tin là cần thiết để hiểu rõ dữ liệu và phương pháp tổng hợp dữ liệu.

Các yêu cầu khi biên soạn

2.1. Khi biên soạn thông tin nêu trong Công bố thông tin 306-3-a, tổ chức báo cáo cần phải:

2.1.1 loại trừ nước thải, trừ khi luật pháp quốc gia yêu cầu phải báo cáo theo tổng lượng chất thải;
2.1.2 sử dụng 1.000 kilogam làm đơn vị đo cho một tấn mét.

HƯỚNG DẪN

Bối cảnh
Tổng khối lượng chất thải phát sinh, khi so sánh với khối lượng chất thải mà tổ chức định hướng đến phục hồi và thải bỏ, có thể cho thấy mức độ mà tổ chức quản lý các tác động liên quan đến chất thải của tổ chức đó.

Thành phần của chất thải phát sinh có thể giúp xác định phương án phục hồi hoặc thải bỏ phù hợp với loại chất thải và các vật liệu cụ thể có trong chất thải.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 306-3
Công bố thông tin này bao gồm chất thải phát sinh từ các hoạt động của chính tổ chức. Tổ chức có thể báo cáo riêng chất thải phát sinh ở thượng nguồn và hạ nguồn trong chuỗi giá tri của mình, nếu thông tin này có sẵn.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 306-3-a
Khi báo cáo thành phần của chất thải, tổ chức có thể mô tả:

- loại chất thải, chẳng hạn như chất thải nguy hai hoặc chất thải không nguy hại;
- các dòng chất thải liên quan đến ngành hoặc hoạt động của tổ chức (ví dụ: bùn thải đối với doanh nghiệp khai khoáng, chất thải điện tử đối với doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện tử, hoặc chất thải thực phẩm đối với doanh nghiệp nông nghiệp hoặc ngành dịch vụ lưu trú);
- các vật liệu có trong chất thải (ví dụ: sinh khối, kim loại, phi kim, nhựa, dệt may).

Các biểu mẫu để trình bày thông tin theo yêu cầu công bố thông tin này có trong Phụ lục Bảng.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 306-3-b
Để giúp hiểu rõ dữ liệu, tổ chức có thể giải thích nguyên nhân dẫn đến chênh lệch giữa khối lượng chất thải phát sinh và khối lượng chất thải được xử lý theo hướng phục hồi hoặc thải bỏ. Sự chênh lệch này có thể do mưa hoặc bay hơi, rò rỉ hoặc thất thoát, hoặc các thay đổi khác đối với chất thải. Trong bối cảnh của Tiêu chuẩn này, rò rỉ xảy ra do lỗi vật lý hoặc kỹ thuật (ví dụ: vệt chất thải rơi từ xe thu gom chất thải), trong khi 'thất thoát' xảy ra do biện pháp bảo vệ không đầy đủ hoặc lỗi hành chính (ví dụ: bị trộm hoặc mất hồ sơ).

Để giúp hiểu cách dữ liệu được tổng hợp, tổ chức có thể chỉ rõ liệu dữ liệu được mô hình hoá

hay lấy từ đo lường trực tiếp, chẳng hạn như hồ sơ chuyển giao chất thải từ đơn vị thu gom được thuê, xác nhận độc lập hoặc kiểm toán dữ liệu liên quan đến chất thải.

Xem các tham chiếu [1], [4], [10] và [11] trong phần Tài liệu tham khảo.

Công bố thông tin 306-4 Chất thải được chuyển hướng khỏi quá trình thải bỏ

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải báo cáo những thông tin sau đây:

a. Tổng khối lượng chất thải được chuyển hướng khỏi quá trình thải bỏ tính bằng tấn, kèm theo phân tách chi tiết theo thành phần của chất thải.

b. Tổng khối lượng của chất thải nguy hại được chuyển hướng khỏi quá trình thải bỏ tính bằng tấn, kèm theo phân tách chi tiết tổng này theo các hoạt động phục hồi sau đây:

i. Chuẩn bị tái sử dụng;
ii. Tái chế;
iii. Các hoạt động phục hồi khác.

c. Tổng khối lượng chất thải không nguy hại được chuyển hướng khỏi quá trình thải bỏ tính bằng tấn, kèm theo phân tách chi tiết tổng này theo các hoạt động phục hồi sau:

i. Chuẩn bị tái sử dụng;
ii. Tái chế;
iii. Các hoạt động phục hồi khác.

d. Đối với mỗi hoạt động phục hồi được liệt kê trong các Công bố thông tin 306-4-b và 306-4-c, cần phân tách chi tiết tổng khối lượng tính bằng tấn của chất thải nguy hại và chất thải không nguy hại được chuyển hướng khỏi quá trình thải bỏ:
i. tại cơ sở;
ii. ngoài cơ sở.

e. Bối cảnh thông tin là cần thiết để hiểu rõ dữ liệu và phương pháp tổng hợp dữ liệu.

Các yêu cầu khi biên soạn

2.2. Khi biên soạn thông tin nêu trong Công bố thông tin 306-4, tổ chức báo cáo cần phải:

2.2.1 loại trừ nước thải, trừ khi luật pháp quốc gia yêu cầu phải báo cáo theo tổng lượng chất thải;

2.2.2 sử dụng 1.000 kilogam làm đơn vị đo cho một tấn mét.

KHUYẾN NGHỊ

2.3. Tổ chức nên báo cáo tổng khối lượng chất thải được ngăn ngừa, cùng với đường cơ sở và phương pháp tính toán.

HƯỚNG DẪN

Bối cảnh

Việc tổ chức lựa chọn các hoạt động để quản lý chất thải cho thấy cách tổ chức giải quyết các tác động đáng kể liên quan đến chất thải. Các lựa chọn để quản lý chất thải có thể được định hướng bởi hệ thống phân cấp quản lý chất thải, theo đó sắp xếp các hoạt động quản lý từ mức ưu tiên cao nhất đến mức ưu tiên thấp nhất. Hệ thống phân cấp quản lý chất thải ưu tiên việc ngăn ngừa phát sinh chất thải, tiếp theo là các hoạt động phục hồi nhằm chuyển hướng chất thải khỏi quá trình thải bỏ, chẳng hạn như chuẩn bị cho tái sử dụng, tái chế và các hoạt động phục hồi khác.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 306-4

Các biểu mẫu để trình bày thông tin theo yêu cầu thông tin này có trong Phụ lục Bảng.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 306-4-a
Khi báo cáo thành phần của chất thải, tổ chức có thể mô tả:

- loại chất thải, chẳng hạn như chất thải nguy hại hoặc chất thải không nguy hại;
- các dòng chất thải liên quan đến ngành hoặc hoạt động của tổ chức (ví dụ: bùn thải đối với doanh nghiệp khai khoáng, chất thải điện tử đối với doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện tử, hoặc chất thải thực phẩm đối với doanh nghiệp nông nghiệp hoặc ngành dịch vụ lưu trú);
- các vật liệu có trong chất thải (ví dụ: sinh khối, kim loại, phi kim, nhựa, dệt may).

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 306-4-b và 306-4-c
Khi báo cáo dựa trên Công bố thông tin 306-4-b-ii và 306-4-c-ii, tổ chức có thể chỉ rõ loại hình hoạt động tái chế, chẳng hạn như tái chế giảm giá trị, tái chế tăng giá trị, ủ phân hữu cơ hoặc phân hủy kỵ khí.

Ngoài việc chuẩn bị cho tái sử dụng và tái chế, tổ chức có thể báo cáo các loại hình hoạt động phục hồi khác mà mình áp dụng theo các Công bố thông tin 306-4-b-iii và 306-4-c-iii, chẳng hạn như chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc tân trang.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 306-4-d
Việc báo cáo về số lượng và loại chất thải được chuyển hướng khỏi quá trình thải bỏ tại cơ sở và bên ngoài cho thấy mức độ tổ chức hiểu rõ cách thức chất thải của mình được quản lý. Trong bối cảnh của Tiêu chuẩn này, “tại cơ sở” nghĩa là trong phạm vi vật lý hoặc dưới sự kiểm soát hành chính của tổ chức báo cáo, còn “ngoài cơ sở” nghĩa là ngoài phạm vi vật lý hoặc sự kiểm soát hành chính của tổ chức báo cáo.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 306-4-e
Để giúp hiểu rõ dữ liệu, tổ chức có thể giải thích nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch giữa khối lượng chất thải được chuyển hướng khỏi quá trình thải bỏ tại cơ sở và bên ngoài (ví dụ: thiếu cơ sở hạ tầng tại cơ sở để phục hồi vật liệu từ chất thải). Tổ chức cũng có thể mô tả các thông lệ ngành, các tiêu chuẩn ngành hoặc các quy định bên ngoài yêu cầu thực hiện một hoạt động phục hồi cụ thể.

Để giúp hiểu cách dữ liệu được tổng hợp, tổ chức có thể chỉ rõ liệu dữ liệu được mô hình hóa hay lấy từ đo lường trực tiếp, chẳng hạn như hồ sơ chuyển giao chất thải từ đơn vị thu gom được thuê, xác nhận độc lập hoặc kiểm toán dữ liệu liên quan đến chất thải.

Hướng dẫn cho điều khoản 2.3
Ngăn ngừa phát sinh chất thải là lựa chọn ưu tiên nhất trong hệ thống phân cấp quản lý chất thải, vì nó ngăn chặn các tác động đối với môi trường và sức khỏe con người. Tổ chức có thể tính toán lượng chất thải được ngăn ngừa bằng cách đo lường mức giảm phát sinh chất thải nhờ các hành động được báo cáo theo Công bố thông tin 306-2-a. Việc giảm phát sinh chất thải do giảm công suất sản xuất không được coi là ngăn ngừa chất thải. Tổ chức có thể báo cáo lượng chất thải được ngăn ngừa trong các hoạt động của chính mình cũng như lượng chất thải được ngăn ngừa tại các đơn vị ở thượng nguồn và hạ nguồn trong chuỗi giá trị của tổ chức.

Xem tham chiếu [1] trong phần Tài liệu tham khảo.

Công bố thông tin 306-5 Chất thải được đưa đi thải bỏ

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

a. Tổng khối lượng chất thải được đưa đi thải bỏ tính bằng tấn, kèm theo phân tách chi tiết theo thành phần của chất thải.

b. Tổng khối lượng của chất thải nguy hại được đưa đi thải bỏ tính bằng tấn, kèm theo phân tách chi tiết tổng này theo các hoạt động thải bỏ sau:

i. Thiêu đốt (kèm theo thu hồi năng lượng);
ii. Thiêu đốt (không kèm theo thu hồi năng lượng);
iii. Chôn lấp;
iv. Các hoạt động thải bỏ khác.

c. Tổng khối lượng chất thải không nguy hại được chuyển đi xử lý tính bằng tấn, kèm theo phân tích chi tiết tổng này theo các hoạt động xử lý sau:

i. Thiêu đốt (kèm theo thu hồi năng lượng);
ii. Thiêu đốt (không kèm theo thu hồi năng lượng);
iii. Chôn lấp;
iv. Các hoạt động thải bỏ khác.

d. Đối với mỗi hoạt động thải bỏ được liệt kê trong các Công bố thông tin 306-5-b và 306-5-c, cần phân tách chi tiết tổng khối lượng tính bằng tấn của chất thải nguy hại và chất thải không nguy hại được đưa đi thải bỏ:

i. tại cơ sở;
ii. ngoài cơ sở.

e. Bối cảnh thông tin là cần thiết để hiểu rõ dữ liệu và phương pháp tổng hợp dữ liệu.

Các yêu cầu khi biên soạn

2.4 Khi biên soạn thông tin nêu trong Công bố thông tin 306-5, tổ chức báo cáo cần phải:

2.4.1 loại trừ nước thải, trừ khi luật pháp quốc gia yêu cầu phải báo cáo theo tổng lượng chất thải;

2.4.2 sử dụng 1.000 kilogam làm đơn vị đo cho một tấn mét.

HƯỚNG DẪN

Bối cảnh

Thải bỏ là lựa chọn ít được ưu tiên nhất trong hệ thống phân cấp quản lý chất thải vì những tác động tiêu cực của nó đối với môi trường và sức khỏe con người. Nước rỉ rác từ các bãi chôn lấp có thể gây ô nhiễm đất và nguồn nước; khí mê-tan phát sinh từ quá trình phân hủy chất thải hữu cơ trong bãi chôn lấp góp phần vào biến đổi khí hậu; và việc đốt chất thải không kiểm soát làm gia tăng ô nhiễm không khí. Việc thải bỏ ngăn cản các vật liệu có trong chất thải được tái tuần hoàn trong môi trường và nền kinh tế, khiến chúng không thể tiếp tục được sử dụng trong tương lai.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 306-5

Các biểu mẫu để trình bày thông tin theo yêu cầu thông tin theo công bố thông tin này có trong Phụ lục Bảng.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 306-5-a

Khi báo cáo thành phần của chất thải, tổ chức có thể mô tả:

- loại chất thải, chẳng hạn như chất thải nguy hại hoặc chất thải không nguy hại;

- các dòng chất thải liên quan đến ngành hoặc hoạt động của tổ chức (ví dụ: bùn thải đối với doanh nghiệp khai khoáng, chất thải điện tử đối với doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện tử, hoặc chất thải thực phẩm đối với doanh nghiệp nông nghiệp hoặc ngành dịch vụ lưu trú);
- các vật liệu có trong chất thải (ví dụ: sinh khối, kim loại, phi kim, nhựa, dệt may).

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 306-5-b và 306-5-c
Ngoài cách thiêu đốt và chôn lấp, tổ chức có thể nêu rõ các hình thức thải bỏ khác mà mình áp dụng theo Công bố thông tin 306-5-b-iv và 306-5-c-iv, ví dụ như: đổ bỏ chất thải ở nơi không kiểm soát, đốt lộ thiên, hoặc bơm chất thải xuống giếng sâu.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 306-5-d
Việc báo cáo số lượng và loại chất thải được đưa đi thải bỏ tại cơ sở và bên ngoài cho thấy mức độ tổ chức hiểu rõ cách thức chất thải của mình được quản lý. Trong bối cảnh của Tiêu chuẩn này, “tại cơ sở”nghĩa là trong phạm vi vật lý hoặc dưới sự kiểm soát hành chính của tổ chức báo cáo, còn “ngoài cơ sở” nghĩa là ngoài phạm vi vật lý hoặc sự kiểm soát hành chính của tổ chức báo cáo.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 306-5-e
Để giúp hiểu rõ dữ liệu, tổ chức có thể giải thích nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch giữa khối lượng chất thải được đưa đi thải bỏ tại cơ sở và bên ngoài (ví dụ: các quy định địa phương cấm chôn lấp một số loại chất thải cụ thể). Tổ chức cũng có thể mô tả các thông lệ trong ngành, các tiêu chuẩn ngành hoặc các quy định bên ngoài yêu cầu áp dụng một phương thức xử lý chất thải cụ thể.

Để giúp hiểu cách dữ liệu được tổng hợp, tổ chức có thể chỉ rõ liệu dữ liệu được mô hình hóa hay lấy từ đo lường trực tiếp, chẳng hạn như hồ sơ chuyển giao chất thải từ đơn vị thu gom được thuê, xác nhận độc lập hoặc kiểm toán dữ liệu liên quan đến chất thải.

Thuật ngữ

Bảng thuật ngữ này trình bày định nghĩa của các thuật ngữ được sử dụng trong Tiêu chuẩn này. Tổ chức phải áp dụng những định nghĩa này khi sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI.

Các định nghĩa trong danh mục thuật ngữ này có thể chứa các thuật ngữ được định nghĩa chi tiết hơn trong *Bảng Thuật ngữ đầy đủ của Bộ Tiêu chuẩn GRI*. Tất cả các thuật ngữ có định nghĩa đều được gạch chân. Trường hợp một thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Bảng Thuật ngữ này hoặc trong *Bảng Thuật ngữ đầy đủ của Bộ Tiêu chuẩn GRI*, các định nghĩa được sử dụng và hiểu phổ biến sẽ được áp dụng.

B

bên liên quan (stakeholder)
cá nhân hoặc nhóm có lợi ích bị ảnh hưởng hoặc có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Hướng dẫn *Thẩm định về Hành vi Kinh doanh có Trách nhiệm của OECD*, 2018; đã sửa đổi

Ví dụ: đối tác kinh doanh, tổ chức xã hội dân sự, người tiêu dùng, khách hàng, nhân viên và người lao động khác, chính phủ, cộng đồng địa phương, tổ chức phi chính phủ, cổ đông và nhà đầu tư khác, nhà cung cấp, công đoàn, nhóm dễ bị tổn thương

Lưu ý: Hãy xem mục 2.4 trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* để biết thêm thông tin về "bên liên quan".

C

các biện pháp tuần hoàn (circularity measures)
những biện pháp được thực hiện nhằm duy trì giá trị của sản phẩm, vật liệu và tài nguyên, đồng thời đưa chúng trở lại sử dụng trong thời gian lâu nhất có thể, với dấu chân carbon và tài nguyên thấp nhất có thể, qua đó giảm thiểu việc khai thác nguyên liệu thô, tài nguyên mới và ngăn ngừa phát sinh chất thải.

các luật và các quy định về môi trường (environmental laws and regulations)
các luật và quy định liên quan đến tất cả các loại vấn đề về môi trường áp dụng cho tổ chức

Lưu ý 1: Các vấn đề về môi trường có thể bao gồm các vấn đề như khí thải, nước thải và chất thải, cũng như việc sử dụng vật liệu, năng lượng, nước và tính đa dạng sinh học.

Lưu ý 2: Các luật và quy định về môi trường có thể bao gồm các thỏa thuận tự nguyện mang tính ràng buộc với các cơ quan quản lý và được lập ra để thay thế cho việc thực hiện quy định mới.

Lưu ý 3: Các thỏa thuận tự nguyện có thể được áp dụng nếu tổ chức trực tiếp tham gia vào thỏa thuận hoặc cơ quan công quyền áp dụng thỏa thuận này cho các tổ chức trong vùng lãnh thổ của mình thông qua luật pháp hoặc quy định.

chất thải (waste)
bất kỳ thứ gì mà người sở hữu loại bỏ, có ý định loại bỏ, hoặc buộc phải loại bỏ.

Nguồn: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), *Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ*, 1989

Lưu ý 1: Có thể định nghĩa chất thải theo luật pháp quốc gia tại thời điểm phát sinh.

Lưu ý 2: Người nắm giữ có thể là tổ chức báo cáo, một thực thể trong chuỗi giá trị của tổ chức ở thượng nguồn hoặc hạ nguồn (ví dụ: nhà cung cấp hoặc người tiêu dùng), hoặc một tổ chức quản lý chất thải, cùng nhiều tổ chức khác.

chất thải nguy hại (hazardous waste)
chất thải có bất kỳ đặc điểm nào được nêu trong Phụ lục III của Công ước Basel hoặc được luật pháp quốc gia coi là nguy hại

Nguồn: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), *Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ*, 1989

chôn lấp (landfilling)
công đoạn cuối cùng của việc đổ chất thải rắn ngang bằng, trên hoặc dưới mặt đất tại các bãi rác được thiết kế

Nguồn: Liên hợp quốc (LHQ), Bảng Thuật ngữ Thống kê Môi trường, Nghiên cứu Phương pháp, Loạt F, Số 67, 1997

Lưu ý: Trong bối cảnh báo cáo chất thải, chôn lấp là việc đổ chất thải rắn vào bãi chôn lấp hợp vệ sinh và không bao gồm việc thải bỏ chất thải không được kiểm soát như đốt lộ thiên và đổ trộm.

chủ đề trọng yếu (material topics)
Các chủ đề phản ảnh những tác động đáng kể nhất của tổ chức đến kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả các tác động đến quyền con người của họ

Lưu ý: Hãy xem mục 2.2 trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* và phần 1 in *GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021* để biết thêm thông tin về "chủ đề trọng yếu".

chuỗi cung ứng (supply chain)
phạm vi hoạt động được thực hiện bởi các thực thể thượng nguồn của tổ chức, cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức

chuỗi giá trị (value chain)
phạm vi các hoạt động do tổ chức cũng như các thực thể thượng nguồn và hạ nguồn của tổ chức thực hiện, để đưa các sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức từ khi hình thành ý tưởng đến giai đoạn sử dụng cuối cùng

cộng đồng địa phương (local community)
những người hoặc nhóm người sống hoặc làm việc trong bất kỳ khu vực nào bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức

Lưu ý: cộng đồng địa phương có thể bao gồm cả những người sống bên cạnh và những người sống xa nơi hoạt động của tổ chức.

chuẩn bị tái sử dụng (preparation for reuse)
các hoạt động kiểm tra, làm sạch hoặc sửa chữa, qua đó các sản phẩm hoặc thành phần của sản phẩm đã trở thành chất thải được chuẩn bị để đưa vào sử dụng cho cùng mục đích ban đầu

Nguồn: Liên minh Châu Âu (EU), *Chỉ thị Khung về Chất thải*, 2008 (Chỉ thị 2008/98/EC); đã sửa đổi

D

đối tác kinh doanh (business partner)
thực thể mà tổ chức có một số hình thức hợp tác trực tiếp và chính thức nhằm mục đích đạt được các mục tiêu kinh doanh của mình

Nguồn: Shift và Mazars LLP, *Khung Báo cáo theo Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hợp quốc*, 2015; đã sửa đổi

Ví dụ: các đơn vị liên kết khách hàng doanh nghiệp, khách hàng, nhà cung cấp cấp một, đơn vị nhượng quyền, đối tác liên doanh, và các công ty đầu tư mà tổ chức có cổ phần

Lưu ý: Đối tác kinh doanh không bao gồm các công ty con và đơn vị liên kết mà tổ chức kiểm soát.

Đường cơ sở-* (baseline *)
xuất phát điểm dùng để so sánh

Lưu ý: Trong bối cảnh báo cáo năng lượng, đường cơ sở là mức tiêu thụ năng lượng hoặc lượng phát thải dự kiến khi không có bất kỳ hoạt động giảm thiểu nào.

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

M

mức độ nghiêm trọng (của một tác động) (severity (of an impact))
Mức độ nghiêm trọng của một tác động tiêu cực thực tế hoặc tiềm ẩn được xác định dựa trên quy mô (mức độ trầm trọng của tác động), phạm vi (mức độ lan rộng của tác động) và tính không thể khắc phục (mức độ khó khăn trong việc khắc phục hoặc bù đắp thiệt hại do tác động gây ra).

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định về Hành vi Kinh doanh có Trách nhiệm của OECD*, 2018; đã sửa đổi
Liên hợp quốc (LHQ), *Trách nhiệm Tôn trọng Quyền Con người của Doanh nghiệp: Hướng dẫn Diễn giải*, 2012; đã sửa đổi

Lưu ý: Hãy xem mục 1 trong *GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021* để biết thêm thông tin về "mức độ nghiêm trọng".

N

nhà cung cấp (supplier)
thực thể thượng nguồn của tổ chức (tức là trong chuỗi cung ứng của tổ chức), cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức

Ví dụ: nhà môi giới, nhà tư vấn, nhà thầu, nhà phân phối, bên nhận nhượng quyền thương mại, người lao động làm việc tại nhà, nhà thầu độc lập, người được cấp phép, nhà sản xuất, nhà sản xuất nguyên liệu thô, nhà thầu phụ, đại lý bán buôn

Lưu ý: Nhà cung cấp có thể có quan hệ kinh doanh trực tiếp với tổ chức (thường được gọi là nhà cung cấp cấp một) hoặc quan hệ kinh doanh gián tiếp.

nhóm dễ bị tổn thương (vulnerable group)
nhóm những người có điều kiện hoặc đặc điểm cụ thể (ví dụ: kinh tế, thể chất, chính trị, xã hội) có thể phải chịu tác động tiêu cực do các hoạt động của tổ chức ở mức độ nghiêm trọng hơn so với dân số nói chung

Ví dụ trẻ em và thanh thiếu niên; người cao tuổi; cựu chiến binh; hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; người bảo vệ quyền con người; Người Bản địa; người buộc phải di cư trong nước; người lao động di cư và gia đình của họ; các nhóm thiểu số theo quốc gia hoặc dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ; những người có thể bị phân biệt đối xử dựa vào khuynh hướng tính dục, bản dạng giới, biểu hiện giới hoặc đặc điểm giới tính của họ (ví dụ: người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới, liên giới tính); người khuyết tật; người tị nạn hoặc người tị nạn hồi hương; phụ nữ

Lưu ý: Tính chất dễ bị tổn thương và các tác động có thể khác nhau theo giới tính.

Người Bản địa (Indigenous Peoples)
Người Bản địa thường được xác định là:

- người thuộc dân tộc thiểu số ở các quốc gia độc lập mà tình trạng kinh tế, văn hóa và xã hội của họ làm cho họ khác biệt với các bộ phận khác của cộng đồng quốc gia, và tình trạng của họ được quy định toàn bộ hoặc một phần bởi các tập quán hoặc truyền thống riêng của họ hoặc bởi các quy định hay luật đặc biệt;
- người ở các quốc gia độc lập được coi là người bản địa do xuất thân từ các quần thể sinh sống ở quốc gia hoặc khu vực địa lý thuộc quốc gia đó, tại thời điểm bị xâm lược hoặc thực dân hóa hoặc hình thành biên giới quốc gia hiện nay và là những người, bất kể tình trạng pháp lý, vẫn duy trì một số hoặc tất cả các hình thái tổ chức xã hội, kinh tế, văn hóa và chính trị riêng.

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Công ước về các Dân tộc và Bộ lạc Bản địa*, 1989 (Số 169)

người lao động (worker)
người thực hiện công việc cho tổ chức

Ví dụ: nhân viên, nhân viên đại lý, người học nghề, nhà thầu, người lao động làm việc tại nhà, thực tập sinh, người tự kinh doanh, nhà thầu phụ, tình nguyện viên và những người làm việc cho các tổ chức không phải là tổ chức báo cáo, ví dụ như làm việc cho nhà cung cấp

Lưu ý: Trong Tiêu chuẩn GRI, một số trường hợp sẽ quy định rõ có cần sử dụng một nhóm người lao động cụ thể hay không.

nhân viên (employee)
cá nhân có mối quan hệ việc làm với tổ chức, theo thông lệ hoặc luật pháp quốc gia

nước thải (effluent)
nước thải đã xử lý hoặc chưa xử lý được thải ra

Nguồn: Liên minh Quản lý Nước (AWS), *Tiêu chuẩn Quản lý Nước Quốc tế AWS*, Phiên bản 1.0, 2014

P

phát triển bền vững/tính bền vững (sustainable development / sustainability)
sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai

Nguồn: Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển, *Tương lai Chung của Chúng ta*, 1987

Lưu ý: Trong Tiêu chuẩn GRI, thuật ngữ "tính bền vững" và "phát triển bền vững" được dùng thay thế cho nhau.

phân loại sản phẩm hoặc dịch vụ (product or service category)
nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan, có cùng một tập hợp các đặc điểm chung được quản lý, đáp ứng các nhu cầu cụ thể của thị trường được chọn

Q

quan hệ kinh doanh (business relationships)
mối quan hệ giữa tổ chức với các đối tác kinh doanh, với các thực thể trong chuỗi giá trị của mình bao gồm cả những thực thể ngoài các nhà cung cấp cấp một và với bất kỳ thực thể nào khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung "Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục" của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Ví dụ về các bên khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm, hoặc dịch vụ của tổ chức bao gồm: một tổ chức phi chính phủ mà tổ chức phối hợp để thực hiện các hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương hoặc các lực lượng an ninh nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cơ sở vật chất của tổ chức.

quyền con người (human rights)
các quyền vốn có của tất cả con người, trong đó tối thiểu bao gồm các quyền được nêu trong *Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền Con người của Liên hợp quốc (UN)* và các nguyên tắc liên quan đến các quyền cơ bản được nêu trong Tuyên bố về các *Nguyên tắc và Quyền Cơ bản tại Nơi làm việc của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)*

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung "Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục" của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Xem Hướng dẫn 2-23-b-i trong *GRI 2: Công bố Chung 2021* để biết thêm thông tin về "quyền con người".

T

tác động (impact)
ảnh hưởng đã có hoặc có thể có của một tổ chức đối với kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả nhân quyền của họ; các tác động này phản ánh mức độ đóng góp (tích cực hoặc tiêu cực) của tổ chức đối với phát triển bền vững

Lưu ý 1: Tác động có thể là tác động đã xảy ra hoặc có thể xảy ra, tích cực hoặc tiêu cực, ngắn hạn hoặc dài hạn, có chủ định hoặc không chủ định và có thể đảo ngược hoặc không thể đảo ngược.

Lưu ý 2: Hãy xem mục 2.1 trong *GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* để biết thêm thông tin về "tác động".

tái chế (recycling)
tái xử lý sản phẩm hoặc thành phần của sản phẩm đã trở thành chất thải, để tạo ra vật liệu mới

Nguồn: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ, 1989; đã sửa đổi

thải bỏ (disposal)
bất kỳ hoạt động nào không phải là hoạt động thu hồi, ngay cả khi hoạt động đó có hệ quả thứ cấp là thu hồi năng lượng

Nguồn: Liên minh Châu Âu (EU), *Chỉ thị Khung về Chất thải*, 2008 (Chỉ thị 2008/98/EC)

Lưu ý: Thải bỏ là hoạt động quản lý cuối vòng đời của các sản phẩm, vật liệu và tài nguyên bị loại bỏ, thông qua việc đưa vào nơi chứa hoặc thông qua quá trình biến đổi hóa học hoặc nhiệt học làm cho các sản phẩm, vật liệu và tài nguyên này không còn khả năng được sử dụng tiếp.

thiêu hủy (incineration)
đốt chất thải có kiểm soát ở nhiệt độ cao

Nguồn: Liên hợp quốc (LHQ), *Bảng Thuật ngữ Thống kê Môi trường, Nghiên cứu Phương pháp*, Loạt F, Số 67, 1997

Lưu ý: Quá trình thiêu hủy chất thải có thể được thực hiện với mục đích thu hồi năng lượng hoặc không. Việc thiêu hủy với mục đích thu hồi năng lượng còn được gọi là chuyển đổi rác thải thành năng lượng. Trong bối cảnh báo cáo chất thải, việc thiêu hủy với mục đích thu hồi năng lượng được coi là hoạt động thải bỏ.

thu hồi (recovery)
hoạt động trong đó các sản phẩm, thành phần của sản phẩm hoặc vật liệu đã trở thành chất thải được chuẩn bị để thực hiện một mục đích thay thế cho các sản phẩm, thành phần hoặc vật liệu mới đáng lẽ sẽ được sử dụng cho mục đích đó

Nguồn: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), *Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ*, 1989; đã sửa đổi

Ví dụ: chuẩn bị tái sử dụng, tái chế

Lưu ý: Trong bối cảnh báo cáo chất thải, hoạt động thu hồi không bao gồm thu hồi năng lượng.

trẻ em (child)
người dưới 15 tuổi hoặc dưới độ tuổi hoàn thành chương trình giáo dục bắt buộc, tùy theo mức nào cao hơn

Lưu ý 1: Có thể có ngoại lệ ở một số nước có nền kinh tế và cơ sở giáo dục chưa hoàn thiện và có thể áp dụng độ tuổi tối thiểu là 14. Những quốc gia ngoại lệ này được Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) xác định, dựa trên đơn đề nghị đặc biệt của quốc gia có liên quan và sau khi tham vấn ý kiến của các tổ chức đại diện cho người sử dụng lao động và người lao động.

Lưu ý 2: *Công ước về Tuổi Lao động Tối thiểu của ILO*, 1973 (Số 138), đề cập đến cả lao động trẻ em và người lao động vị thành niên.

Tài liệu tham khảo

Phần này liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác được sử dụng trong quá trình xây dựng Tiêu chuẩn này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

1. Liên minh Châu Âu (EU), *Chỉ thị Khung về Chất thải*, năm 2008 (Chỉ thị 2008/98/EC).
2. Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO), *Công ước về Ngăn ngừa Ô nhiễm Biển do Đổ Chất thải và các Chất Khác (Công ước London)*, năm 1972.
3. Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO), *Công ước Quốc tế về Ngăn ngừa Ô nhiễm do Tàu biển (Marpol)*, năm 1973, được sửa đổi theo Nghị định thư 1978.
4. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *Sửa đổi Lệnh cấm của Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ*, năm 1995.
5. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ (Công ước Basel)*, năm 1989.
6. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *Công ước Rotterdam về Thủ tục Chấp thuận Thông báo Trước (PIC) đối với Một số Hóa chất và Thuốc trừ sâu Độc hại trong Thương mại Quốc tế (Công ước Rotterdam)*, năm 1998.
7. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *Công ước Stockholm về Chất ô nhiễm Hữu cơ Khó phân hủy (Công ước Stockholm)*, năm 2001.
8. Nghị quyết của Liên Hợp Quốc (UN) , *Chuyển đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì Sự phát triển Bền vững*, năm 2015.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

9. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *Triển vọng Quản lý Chất thải Toàn cầu*, năm 2015.
10. Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP), *Hướng dẫn cho Chiến lược Quản lý Chất thải Quốc gia: Từ Thách thức đến Cơ hội*, năm 2013.
11. Viện Tài nguyên Thế giới (WRI), Nghị định thư về Thất thoát và Lãng phí Thực phẩm, https://flwprotocol.org/,truy cập ngày 19 tháng 5 năm 2020.

Phụ lục

Ví dụ về sơ đồ quy trình (điều khoản 1.2)

Các biểu mẫu để trình bày thông tin cho Công bố thông tin 306-3, 306-4 và 306-5

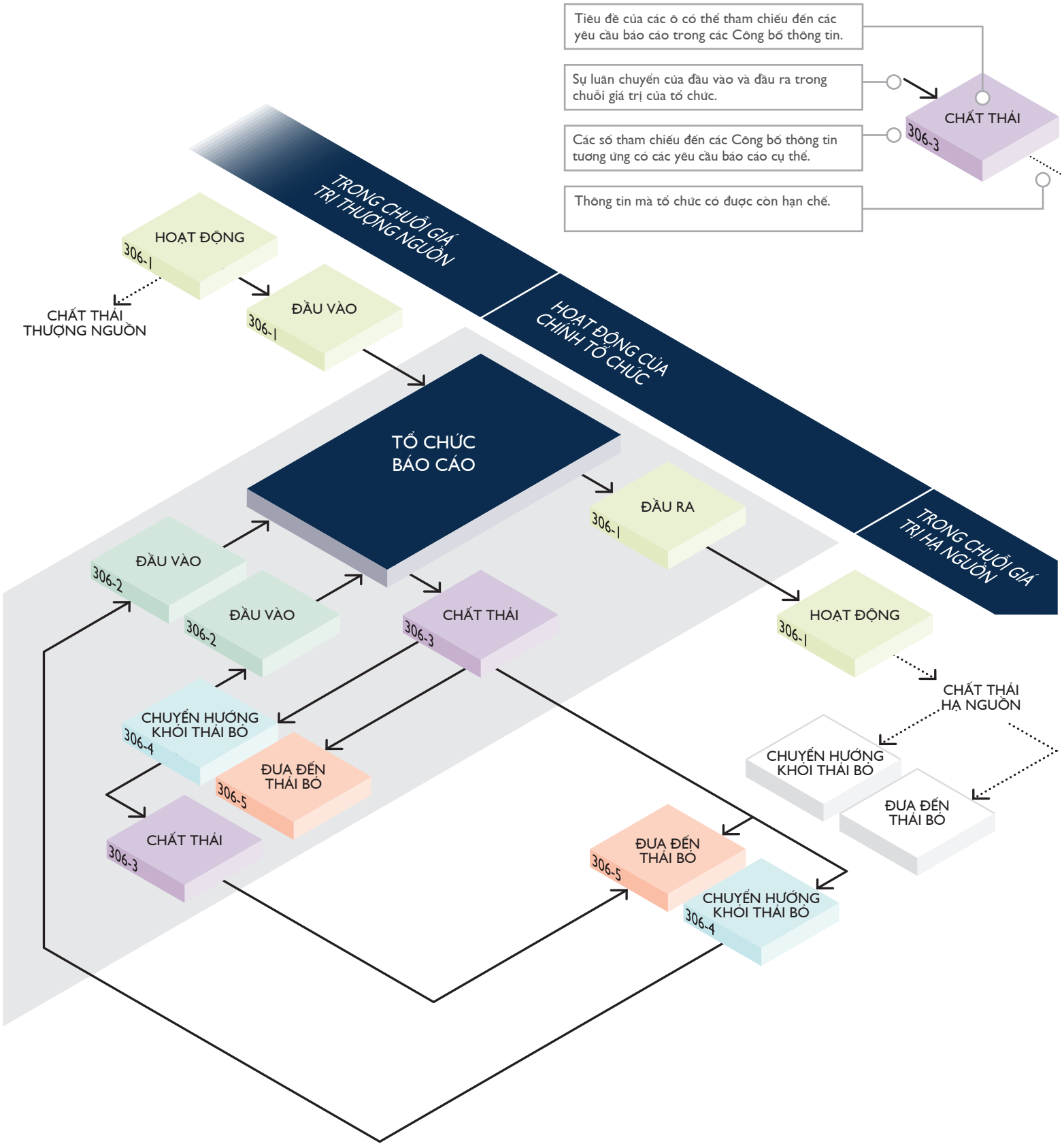
Tiêu đề của các ô có thể tham chiếu đến các yêu cầu báo cáo trong các Công bố thông tin.
Sự luân chuyển của đầu vào và đầu ra trong chuỗi giá trị của tổ chức.
Các số tham chiếu đến các Công bố thông tin tương ứng có các yêu cầu báo cáo cụ thể.
Thông tin mà tổ chức có được còn hạn chế.
CHẤT THẢI
306-3
TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ THƯỢNG NGUỒN
HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH TỔ CHỨC
TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ HẠ NGUỒN
HOẠT ĐỘNG
306-1
CHẤT THẢI THƯỢNG NGUỒN
ĐẦU VÀO
306-1
TỔ CHỨC BÁO CÁO
ĐẦU RA
306-1
ĐẦU VÀO
306-2
ĐẦU VÀO
306-2
CHẤT THẢI
306-3
HOẠT ĐỘNG
306-1
CHẤT THẢI HẠ NGUỒN
CHUYỂN HƯỚNG KHỎI THẢI BỎ
306-4
ĐƯA ĐẾN THẢI BỎ
306-5
CHẤT THẢI
306-3
CHUYỂN HƯỚNG KHỎI THẢI BỎ
ĐƯA ĐẾN THẢI BỎ
ĐƯA ĐẾN THẢI BỎ
306-5
CHUYỂN HƯỚNG KHỎI THẢI BỎ
306-4

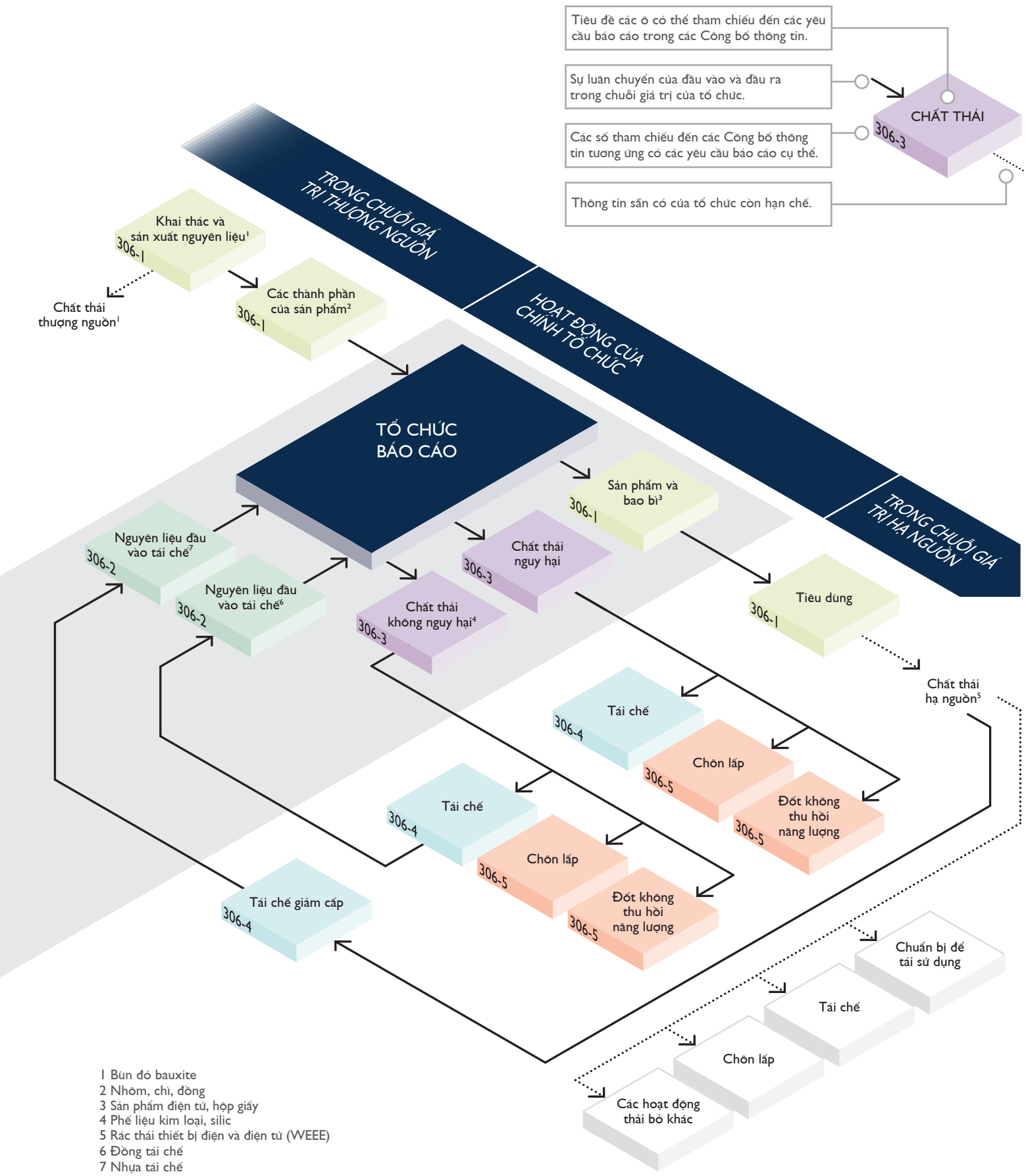

1 Bùn đỏ bauxite
2 Nhôm, chì, đồng
3 Sản phẩm điện tử, hộp giấy
4 Phế liệu kim loại, silic
5 Rác thải thiết bị điện và điện tử (WEEE)
6 Đồng tái chế
7 Nhựa tái chế

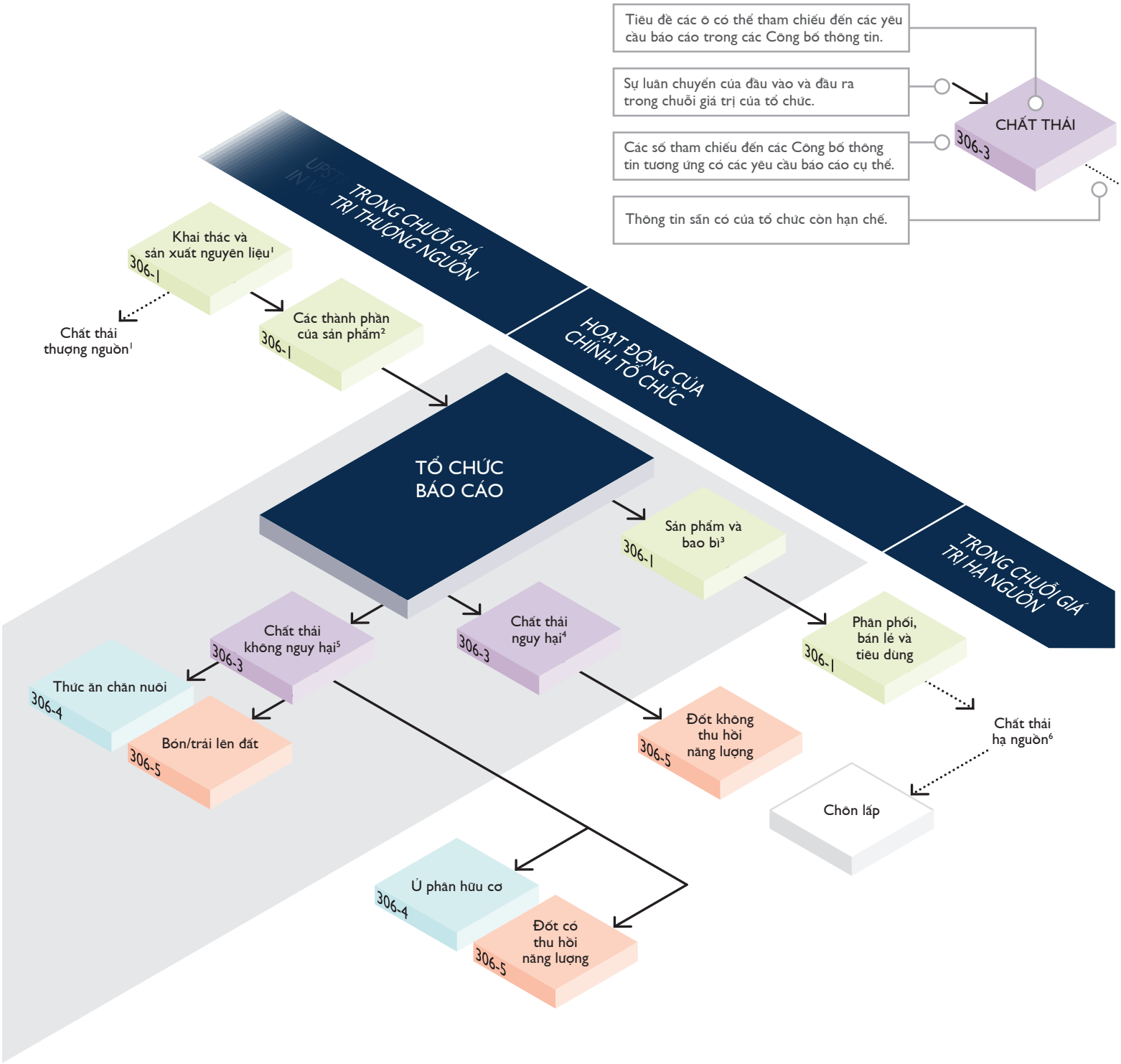

1 Trái cây hư hỏng
2 Trái cây tươi
3 Sản phẩm thực phẩm, màng bọc nhựa
4 Trái cây hư hỏng
5 Phần không ăn được
6 Chất thải thực phẩm và chất thải bao bì

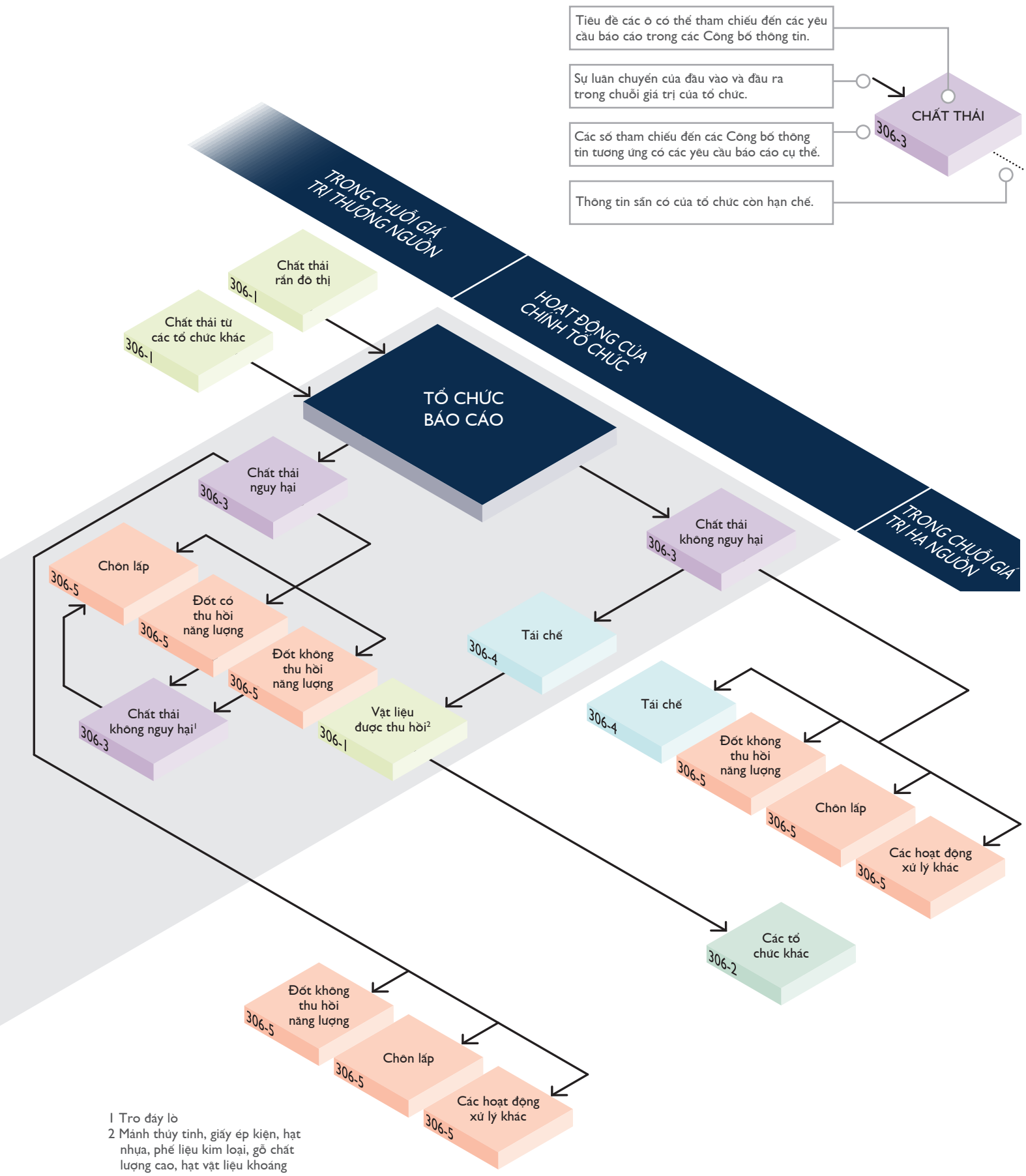

1 Tro đáy lò
2 Mảnh thủy tinh, giấy ép kiện, hạt nhựa, phế liệu kim loại, gỗ chất lượng cao, hạt vật liệu khoáng

Các biểu mẫu để trình bày thông tin cho Công bố thông tin 306-3, 306-4 và 306-5

Các Bảng 1, 2 và 3 cung cấp biểu mẫu để trình bày thông tin theo yêu cầu của Công bố thông tin 306-3 Chất thải phát sinh, Công bố thông tin 306-4 Chất thải được chuyển hướng khỏi quá trình thải bỏ và Công bố thông tin 306-5 Chất thải được đưa đi thải bỏ.

Tổ chức có thể điều chỉnh các bảng biểu theo thực tiễn của mình.

Bảng 1. Chất thải theo thành phần, tính bằng tấn mét (t)

	CHẤT THẢI PHÁT SINH	CHẤT THẢI ĐƯỢC LOẠI TRỪ KHỎI QUÁ TRÌNH THẢI BỎ	CHẤT THẢI ĐƯỢC ĐƯA ĐI THẢI BỎ
Thành phần chất thải			
Phân loại 1	t (306-3-a)	t (306-4-a)	t (306-5-a)
Phân loại 2	t (306-3-a)	t (306-4-a)	t (306-5-a)
Phân loại 3	t (306-3-a)	t (306-4-a)	t (306-5-a)
v.v.	t (306-3-a)	t (306-4-a)	t (306-5-a)
Tổng lượng chất thải	**t (306-3-a)**	**t (306-4-a)**	**t (306-5-a)**

Bảng 2. Chất thải được chuyển hướng khỏi quá trình thải bỏ bằng hoạt động phục hồi, tính bằng tấn mét (t)

	TẠI CƠ SỞ	NGOÀI CƠ SỞ	TỔNG
Chất thải nguy hại			
Chuẩn bị tái sử dụng	t (306-4-d-i)	t (306-4-d-ii)	t (306-4-b-i)
Tái chế	t (306-4-d-i)	t (306-4-d-ii)	t (306-4-b-ii)
Các hoạt động thu hồi khác	t (306-4-d-i)	t (306-4-d-ii)	t (306-4-b-iii)
Tổng			**t (306-4-b)**
Chất thải không nguy hại			
Chuẩn bị tái sử dụng	t (306-4-d-i)	t (306-4-d-ii)	t (306-4-c-i)
Tái chế	t (306-4-d-i)	t (306-4-d-ii)	t (306-4-c-ii)
Các hoạt động thu hồi khác	t (306-4-d-i)	t (306-4-d-ii)	t (306-4-c-iii)
Tổng			**t (306-4-c)**
Chất thải được ngăn chặn			
Chất thải được ngăn chặn			**t (điều khoản 2.3)**

Bảng 3. Chất thải được đưa đi thải bỏ thông qua các hoạt động thải bỏ, tính bằng tấn mét (t)

	TẠI CƠ SỞ	NGOÀI CƠ SỞ	TỔNG
Thành phần chất thải			
Thiêu hủy (kèm theo thu hồi năng lượng)	t (306-5-d-i)		t (306-5-b-i)
Thiêu hủy (không kèm theo thu hồi năng lượng)	t (306-5-d-i)	t (306-5-d-ii)	t (306-5-b-ii)
Chôn lấp	t (306-5-d-i)	t (306-5-d-ii)	t (306-5-b-iii)
Các hoạt động thải bỏ khác	t (306-5-d-i)	t (306-5-d-ii)	t (306-5-b-iv)
Tổng			t (306-5-b)
Chất thải không nguy hại			
Thiêu hủy (kèm theo thu hồi năng lượng)	t (306-5-d-i)	t (306-5-d-ii)	t (306-5-c-i)
Thiêu hủy (không kèm theo thu hồi năng lượng)	t (306-5-d-i)	t (306-5-d-ii)	t (306-5-c-ii)
Chôn lấp	t (306-5-d-i)	t (306-5-d-ii)	t (306-5-c-iii)
Các hoạt động thải bỏ khác	t (306-5-d-i)	t (306-5-d-ii)	t (306-5-c-iv)
Tổng			**t (306-5-c)**

Lời cảm ơn

Bản dịch **tiếng Việt** này được thực hiện bởi Dịch thuật TDN và được rà soát nội dung bởi những cá nhân sau:

Thái Xuân Tình, Quản lý HSE Quốc gia, Knauf, Việt Nam

Lê Hoàng Bảo Long, Quản lý Giải pháp Môi trường, Leadership & Sustainability, Việt Nam

Nguyễn Công Minh Bảo, Giám đốc Quốc gia, Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu, Việt Nam

Bộ Tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI được xây dựng và biên soạn bằng tiếng Việt. Mặc dù đã được thực hiện nhằm đảm bảo tính chính xác của bản dịch này, văn bản tiếng Anh vẫn là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất trong trường hợp phát sinh thắc mắc hoặc có sự khác biệt liên quan đến bản dịch.

Phiên bản mới nhất của Bộ Tiêu chuẩn GRI bằng tiếng Anh, cùng mọi cập nhật đối với phiên bản tiếng Anh, được đăng tải trên trang web của GRI (www.globalreporting.org).

Bản dịch tiếng Việt này được tài trợ bởi Liên bang Thụy Sĩ, thông qua Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO)

Schweizerische Eidgenossenschaft
Confédération suisse
Confederazione Svizzera
Confederaziun svizra

Swiss Confederation

Federal Departement of Economic Affairs,
Education and Research EAER
State Secretariat for Economic Affairs SECO

PO Box 10039
1001 EA Amsterdam
The Netherlands

www.globalreporting.org